

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1622*/NQ-HĐND

Thành phố Lai Châu, ngày *06* tháng 8 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU KHÓA III, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

Sau khi xem xét Báo cáo số 1551/BC-UBND ngày 16/7/2020 của UBND thành phố Lai Châu về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Tờ trình số 1553/TTr-UBND ngày 16/7/2020 của UBND thành phố dự thảo Nghị quyết về dự kiến lần thứ hai kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thành phố và ý kiến của các Đại biểu HĐND thành phố Lai Châu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí với dự kiến lần thứ hai kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 với các nội dung sau:

1. Dự kiến tổng huy động vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: 1.344.516 triệu đồng, trong đó:

1.1. Nguồn vốn tỉnh quản lý: 669.989 triệu đồng, chi tiết:

- Nguồn vốn ngân sách trung ương: **348.000** triệu đồng;
- Nguồn ngân sách tỉnh: **321.989** triệu đồng.

1.2. Nguồn vốn ngân sách thành phố quản lý: 667.222 triệu đồng, cụ thể:

- Nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác: **247.317** triệu đồng
- Vốn XDCBTT và các nguồn vốn hợp pháp khác: **109.000** triệu đồng.
- Nguồn tỉnh bổ sung phân bổ cho 01 dự án, kế hoạch vốn **40.000** triệu đồng.
- Nguồn vốn bảo vệ môi trường; vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác: **230.000** triệu đồng.
- Nguồn vốn chương trình MTQG: **40.905** triệu đồng.

1.3. Nguồn nhân dân góp vốn: 7.305 triệu đồng.

2. Nguyên tắc, phương án phân bổ nguồn vốn trong cân đối ngân sách thành phố

2.1. Nguyên tắc phân bổ

(1) Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển, Quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, quy hoạch xây dựng thành phố Lai Châu; Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025 và các Chương trình, Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác trong và ngoài nước.

(2) Việc phân bổ vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 do cấp có thẩm quyền quyết định.

(3) Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025; chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên, các chương trình, dự án quan trọng, có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

(4) Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác; đẩy mạnh việc thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

(5) Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển; nâng cao hiệu quả quản lý vốn đầu tư; tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

(6) Phân bổ vốn đầu tư tập trung; không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

(7) Thứ tự ưu tiên và mức bố trí vốn như sau:

- Trong từng lĩnh vực bố trí vốn cho các dự án theo thứ tự ưu tiên bố trí đủ vốn để trả nợ xây dựng cơ bản; các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch.

- Phân bổ vốn cho các công trình khởi công mới đáp ứng theo yêu cầu quy định của Luật đầu tư công.

- Mức vốn bố trí cho từng dự án:

+ Đối với các dự án hoàn thành đã bàn giao đưa vào sử dụng, các dự án đã quyết toán bố trí đủ kế hoạch vốn cho từng dự án theo số đã quyết toán hoặc khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu nhưng không vượt quá tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đối với các công trình khởi công mới bố trí vốn 100% nhu cầu;

+ Đối với đầu tư hạ tầng xã mới sáp nhập: các công trình, dự án ngành giáo dục bố trí 100% nhu cầu vốn; các ngành khác thực hiện bố trí 90% nguồn vốn ngân sách nhà nước; 10% nguồn nhân dân đóng góp đối ứng thực hiện.

+ Dự phòng 10% trên tổng mức đầu tư (Nguồn thu sử dụng đất) (dùng dự phòng để dành cho các công trình khẩn cấp, cấp bách; các công trình còn thiếu vốn sau quyết toán và một số nhiệm vụ trọng tâm khác.

2.2. Phương án phân bổ

Dự kiến tổng huy động vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025: **1.344.516** triệu đồng; trong đó phân bổ: 07 dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch vốn **89.806** triệu đồng; 70 dự án khởi công mới với tổng mức đầu tư **1.258.150** triệu đồng, Kế hoạch vốn **1.234.550** triệu đồng; dự phòng 10%, kế hoạch vốn **20.160** triệu đồng. Cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn tỉnh quản lý

- Nguồn ngân sách trung ương phân bổ: **03 dự án** khởi công mới với tổng mức đầu tư **348.000** triệu đồng, kế hoạch vốn **348.000** triệu đồng.

- Nguồn vốn tỉnh quản lý: kế hoạch vốn **321.989** triệu đồng, cụ thể:

+ **04 dự án** chuyển tiếp giai đoạn 2021-2025, kế hoạch vốn **61.989** triệu đồng.

+ **02 dự án** khởi công mới, tổng mức đầu tư **260.000** triệu đồng, kế hoạch vốn **260.000** triệu đồng.

2. Nguồn vốn thành phố quản lý: 667.222 triệu đồng

- Nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác: Kế hoạch vốn **247.317** triệu đồng, cụ thể:

+ **03 dự án** chuyển tiếp giai đoạn 2021-2025, kế hoạch vốn **27.817** triệu đồng.

+ **24 dự án** khởi công mới, tổng mức đầu tư **202.100** triệu đồng, kế hoạch vốn **199.340** triệu đồng.

+ Dự phòng 10%: **20.160** triệu đồng

- Nguồn xây dựng cơ bản tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác phân bổ cho **12 dự án** khởi công mới, kế hoạch vốn **109.000** triệu đồng

- Nguồn tỉnh bổ sung phân bổ cho **01** dự án với tổng mức đầu tư **40.000** triệu đồng, kế hoạch vốn **40.000** triệu đồng.

- Nguồn vốn bảo vệ môi trường; vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác phân bổ cho **02** dự án khởi công mới, tổng mức đầu tư **230.000** triệu đồng, KH vốn **230.000** triệu đồng.

- Nguồn vốn chương trình MTQG phân bổ cho **26 dự án** với tổng mức đầu tư **45.450** triệu đồng, kế hoạch vốn **40.905** triệu đồng.

3. Nguồn nhân dân đóng góp: 7.305 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân Thành phố giao

1. Ủy ban nhân dân thành phố hoàn thiện dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021 gửi cấp có thẩm quyền và thực hiện các trình tự theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị Quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố Lai Châu khóa III, kỳ họp thứ mười bốn thông qua ngày **06**./8/2020 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND Tỉnh;
- Thường trực Thành ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ thành phố;
- Các Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND-UBND các xã, phường;
- Trang Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, TCKH.

CHỦ TỊCH



Vương Văn Thắng

DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 06 tháng 8 năm 2020, HĐND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	nguồn vốn	ngân h, lĩnh vực	Danh mục công trình dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Lấy kế hoạch vốn đã bố trí	Lấy kế KLHT từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Tổng nhu cầu vốn còn lại	Giai đoạn 2021-2025				Chí chủ
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMDT	TMDT sau điều chỉnh				Nhu cầu đầu tư 5 năm 2021- 2025		Dự kiến kế hoạch 5 năm 2021-2025		
												Tổng số	Trong đó NSDP	Tổng số	Trong đó NSDP	
1			2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	16
			TỔNG				256.849	222.891	149.080	84.399	89.806	89.806	89.806	89.806	89.806	
			NGUỒN VỐN TÍNH QUẢN LÝ				206.349	206.774	125.780	81.701	61.989	61.989	61.989	61.989	61.989	
I	NSTW cần đổi TK ổn định	TL	Hệ thống thoát nước thành phố Lai Châu	TP Lai Châu	2017-2020	Số 135- 31/10/2016	70.000	70.000	44.780	25.989	18.220	18.220	18.220	18.220	18.220	
2	Tỉnh bổ sung	HT	Khu Lâm viên thành phố Lai Châu	P. Tân Phong	2018-2020	Số 1649- 26/12/2017	120.000	120.000	71.000	42.643	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	Lồng ghép nguồn SDD 36 tỷ
3	cán đổi NS tỉnh	GT	Đường nối các khu dân cư với vùng sản xuất, thành phố Lai Châu (Tuyến số 1, tuyến số 3 và nối tuyến QL4D đến nhà máy gạch tuynen cũ)	TP Lai Châu	2016-2020	Số 56- 31/3/2016	14.500	14.500	8.000	10.800	6.500	6.500	6.500	6.500	6.500	
4	NSTW cần đổi TK ổn định và vốn khác	BT	Xử lý diêm đen tại Km 38+500 QL4D, tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu	2016-2020	Số 959- 14/7/2017	1.849	2.274	2.000	2.269	269	269	269	269	269	
			NGUỒN VỐN TP QUẢN LÝ				50.500	16.117	23.300	2.698	27.817	27.817	27.817	27.817	27.817	
II			Nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác				50.500	16.117	23.300	2.698	27.817	27.817	27.817	27.817	27.817	
I	SDD+Vốn khác	QLN N	Trụ sở phường đoàn kết	P. Đoàn Kết	2020-2021		12.500	12.500	10.300		2.200	2.200	2.200	2.200	2.200	
2	SDD+Vốn khác	BT	Đổi đường, hỗ trợ dự án. Mô hình chợ trung tâm thành phố	P. Đoàn Kết	2017-2021		3.000	3.617	3.000	2.698	617	617	617	617	617	CPBTGPMB
3	SDD+TBS	GD	Trường tiểu học phường Đoàn Kết	P. Đoàn Kết	2020-2021		35.000		10.000		25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 (CÁC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI NGUỒN VỐN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ)

(Kèm Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 08 tháng 8 năm 2020, HĐND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Danh mục công trình dự án	Địa điểm xây dựng	Nội dung thiết kế (dự kiến nội dung, quy mô đầu tư)	Thời gian KC-HT	Sự cần thiết/mục tiêu đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	nguồn vốn do TP quản lý	nhân dân góp vốn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
		NGUỒN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ					581.100	601.260	601.260	598.500	2.760	
I		Nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác					202.100	222.260	222.260	219.500	2.760	
*		Lĩnh vực y tế					7.000	7.000	7.000	7.000		
1	YT	Trạm y tế xã San Thàng	X. San Thàng	CT dân dụng cấp III	2021-2022	Trạm y tế cũ đầu tư từ 2005, diện tích nhỏ, hiện đã xuống cấp ko đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, do đó để hoàn thiện hệ thống y tế hiện đại, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và khám chữa bệnh cho người dân khu vực việc đầu tư là rất cần thiết	7.000	7.000	7.000	7.000		
*		Lĩnh vực văn hóa - thể thao					44.000	44.000	44.000	44.000		
2	VH	Nhà văn hóa thể thao đa năng phường Đoàn Kết	P. Đoàn Kết	Công trình dân dụng cấp III	2023-2024	Trụ sở phường Đoàn Kết mới đầu tư năm 2020, đang thi công hoàn thiện, việc XD nhà văn hóa thể thao đa năng phường ĐK. gắn trụ sở mới nhằm đảm bảo đồng bộ cơ sở hạ tầng và phục vụ nhu cầu hội họp tuyên truyền và luyện tập thể thao của nhân dân p. Đoàn Kết	4.000	4.000	4.000	4.000		
3	TT	Xây dựng khu trung tâm TDTT - nhà thi đấu đa năng thành phố	TP Lai Châu	Công trình dân dụng cấp III	2024-2026	Phục vụ các hoạt động thể dục thể thao của thành phố, tổ chức các sự kiện thể thao; việc xây dựng công trình nhằm đáp ứng tiêu chí theo đô thị loại II	40.000	40.000	40.000	40.000		
*		Lĩnh vực giao thông thủy lợi, HTKT					101.500	101.500	101.500	101.500		
4	TL	Nâng cấp kênh mương, đường trục ban nội đồng từ đồng từ bản Lũng Thàng đến cầu Gia Khẩu I, xã Sùng Phái (giai đoạn I)	X. Sùng Phái	Kiến cổ 1km mặt cắt kênh (3x3)m, kết cấu BTCT M200, thành và đáy dày 22cm, bề tổng lót M100 dày 10cm; kết hợp đường nội đồng Bùn 4m, Bùn 2m, mặt đường kết cấu bê tông M200 dày 15cm	2023-2025	Tuyến kênh mương, đường trục ban nội đồng từ bản Lũng Thàng đến cầu Gia Khẩu I, xã Sùng Phái hiện tại là kênh đất không đảm bảo cho việc tưới, tiêu và đang sạt lở nghiêm trọng làm mất đất sản xuất của nhân dân. Nên việc đầu tư kiến cổ kênh là rất cần thiết	14.500	14.500	14.500	14.500		
5	GT	Nâng cấp kênh từ cầu Gia Khẩu II đến kênh Lũng Thàng, xã Sùng Phái	X. Sùng Phái	Kiến cổ kênh dài 0,8 km; kích thước mặt cắt kênh (2,5x3)m. Kết cấu kênh BTCT	2021-2022	Tuyến kênh từ cầu Gia Khẩu II đến kênh Lũng Thàng, xã Sùng Phái hiện là kênh đất, không đảm bảo cho việc tưới, tiêu và đang bị sạt lở nghiêm trọng làm mất đất sản xuất của nhân dân. Nên việc đầu tư kiến cổ kênh là rất cần thiết để đảm bảo cấp thoát nước cho 15ha	12.000	12.000	12.000	12.000		

STT	Ngành , lĩnh vực	Đánh mục công trình dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế (đội kiến nghị, quy mô dân cư)	Thời gian KC-HT	Sự cần thiết/mục tiêu đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch giải ngân 2021-2025			Ghi chú
									Tân oán	Trong vư	nhân dân	
6	HL	Tuyến kênh Năm Con Gìn Đông Pao (kéo dài)	HP Lai C hâu	Công trình HTKT cấp IV l = 1,2km KT (BxH)- (3x4)m	2022-2024	Tuyến kênh Năm Con Gìn-Đông Pao đã được đầu tư một phần, hiện còn khoảng 1,2km là kênh đất để đảm bảo nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp và hoàn thiện hạ tầng cấp thoát nước (thì việc đầu tư là rất cần thiết)	30.000	30.000	30.000	30.000		
7	HL	Nâng cấp, sửa chữa kênh tưới đường tranh chừ Sam Thàng dân bản Thành Công	X. Sam Thang	Kiên cố kênh dài 0,5 km; kích thước mặt cắt kênh (1,2x1,2)m. Kết cấu kênh BTCT	2.023	Hiện tại là kênh đất, mặt cắt kênh qua nhò không đảm bảo cho việc tưới, tiêu. Hàng năm vào mùa khô nước bị thấm thấu không đủ để cấp nước sản xuất, vào mùa mưa nước không thoát kịp thường xuyên gây ra tình trạng vỡ bờ nước tràn vào ruộng, ào lồm thiệt hại cho người dân. Việc nâng cấp sẽ đảm bảo tưới, tiêu cho 21ha	4.000	4.000	4.000	4.000		
8	TL	Nâng cấp kênh mương, đường nội đồng từ bản Lũng Thàng đến cầu Già Khẩu I	X. Sùng Phai	Chiều dài khoảng 0,8km, KT (3x3)m	2023-2024	Đảm bảo phục vụ tưới tiêu phục vụ sản xuất cho 45ha, canh đồng Già Khẩu I	16.000	16.000	16.000	16.000		
9	TI	Nâng cấp hệ thống thủy lợi 1 tưng Thàng, xã Sùng Phai	X. Sùng Phai	Chiều dài khoảng 1,0km, KT (3x3)m	2022-2023	Đảm bảo phục vụ tưới tiêu phục vụ sản xuất cho 45ha, canh đồng Lũng Thàng	18.000	18.000	18.000	18.000		
10	TL	Kênh thoát nước tại trung tâm bản Lũng Than, xã Sam Thàng	X. Sùng Phai	Kiên cố 500m mặt kênh (3x3)m, kết cấu BTCT M200, thành và đáy dày 22cm, bề tổng lới M100 dày 100cm	2021-2022	Kênh thoát nước trung tâm bản Lũng Than hiện là kênh đất, có mặt cắt nhò. Vào mùa mưa nước không thoát kịp, nước thường xuyên bị tràn ngập vào nhà dân trong bản. Ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nhân dân. Vì vậy việc kiên cố mở rộng kênh là hết sức cần thiết	7.000	7.000	7.000	7.000		
*		Đầu tư hạ tầng kỹ thuật xã mới sắp nhập	Xã Sùng Phai			Xã Sùng Phai mới sắp nhập theo Nghị quyết số 866/NQ-UBTVQH 14 ngày 10/01/2020 của UBTV Quốc Hội. Phần mới sắp nhập hiện trạng chưa được đầu tư, hầu như toàn bộ hệ thống hạ tầng chưa được đầu tư (đường giao thông trục bản, liên bản, hệ thống cấp thoát nước, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt), việc đi lại, phát triển sản xuất của nhân dân gặp nhiều khó khăn; nước sinh hoạt không đảm bảo, hệ thống thủy lợi tưới tiêu phục vụ sản xuất đa phần là kênh đất không đảm bảo cho tưới tiêu; nhân thực dạy phải trên sản xuất, năng cao chất lượng đời sống nhân dân, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, góp phần xây dựng nông thôn mới. Phần trên kênh tế - xã hội thì việc nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng xã là rất cần thiết	22.000	22.000	22.000	22.000	0	
11	GD	Điểm trường Mầm non bản Sùng Phai, xã Sùng Phai		Xây dựng nhà lớp học 5 phòng; nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	2021-2022		5.000	5.000	5.000	5.000		
12	GD	Điểm trường Mầm non bản Trung Thái, xã Sùng Phai		Xây dựng nhà lớp học 5 phòng; nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	2021-2022		5.000	5.000	5.000	5.000		
13	GD	Điểm trường Tiểu học bản Sùng Phai, xã Sùng Phai		Xây dựng nhà lớp học 6 phòng; nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	2021-2022		6.000	6.000	6.000	6.000		
14	GD	Điểm trường Tiểu học bản Trung Chai, xã Sùng Phai		Xây dựng nhà lớp học 6 phòng; nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	2021-2022		6.000	6.000	6.000	6.000		
*		Phần tư hạ tầng kỹ thuật xã mới sắp nhập (phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm)	Xã Sùng Phai	Công trình Dân dụng cấp III	2021-2025		27.600	27.600	27.600	24.840	2.760	
15	GT	Đường giao thông nội bản Sìn Chai		Mô men 3m, BTXM 200# đã 2x4 dày 15cm trên lớp lớp 5cm đá mặt. L= 1200m	2021	Công trình phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông lâm nghiệp được thuận lợi	2.000	2.000	2.000	1.800	200	dân hiến đất, góp công (10%(TMDT)

STT	Ngành, lĩnh vực	Đanh mục công trình dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế (dự kiến nội dung, quy mô đầu tư)	Thời gian KC-HT	Sự cần thiết/mục tiêu đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó: nguồn vốn	nhân dân	
16	GT	Đường giao thông nội bản Cấn Cầu		Mở nền 3m; BTXM 200# đã 2x4 dầy 15cm trên lớp lót 5cm đá mặt; L= 1200m	2021	Công trình phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông lâm nghiệp được thuận lợi	2.000	2.000	2.000	1.800	200	dân hiến đất; góp công (10%TMĐT)
17	GT	Đường Giao thông nội bản Tà Chai		Mở nền 3m; BTXM 200# đã 2x4 dầy 15cm trên lớp lót 5cm đá mặt; L= 1200m	2021	Công trình phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông lâm nghiệp được thuận lợi	2.000	2.000	2.000	1.800	200	dân hiến đất; góp công (10%TMĐT)
18	GT	Đường nội đồng bản Láng Giàng, xã Sùng Phai		Đường GTNT C; chiều dài L= 2,5km; Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	2022	Công trình đầu tư phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông, lâm nghiệp	3.800	3.800	3.800	3.420	380	dân hiến đất; góp công (10%TMĐT)
19	GT	Đường nội đồng Lồng Cù bản Tà Chai, xã Sùng Phai		Đường GTNT C; chiều dài L= 2,5km; Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	2023	Công trình đầu tư phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông, lâm nghiệp	3.800	3.800	3.800	3.420	380	dân hiến đất; góp công (10%TMĐT)
20	GT	Đường Nội đồng Sùng Cấn bản Sín Chai, xã Sùng Phai		Đường GTNT C; chiều dài L= 3km, Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	2023	Công trình đầu tư phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông, lâm nghiệp	4.500	4.500	4.500	4.050	450	dân hiến đất; góp công (10%TMĐT)
21	GT	Đường nội đồng bản Tà Chai, xã Sùng Phai		Đường GTNT C; chiều dài L= 2km, Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	2023	Công trình đầu tư phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông, lâm nghiệp	3.000	3.000	3.000	2.700	300	dân hiến đất; góp công (10%TMĐT)
22	GT	Đường nội đồng Pù Hu Chỗ bản Sùng Phai, xã Sùng Phai		Đường GTNT C; chiều dài L= 1,5km; Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	2024	Công trình đầu tư phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông, lâm nghiệp	2.500	2.500	2.500	2.250	250	
23	GT	Đường nội đồng Tân Sáo Phìn bản Sín Chai, xã Sùng Phai		Đường GTNT C; chiều dài L= 1km, Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	2024	Công trình đầu tư phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông, lâm nghiệp	2.000	2.000	2.000	1.800	200	
24	GT	Đường nội đồng Tôm Pành bản Sùng Phai, xã Sùng Phai		Đường GTNT C; chiều dài L= 1,2km; Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	2025	Công trình đầu tư phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông, lâm nghiệp	2.000	2.000	2.000	1.800	200	
*		Dự phóng 10% (dành cho các công trình khẩn cấp; các công trình còn thiếu vốn sau quyết toán và một số nhiệm vụ trọng tâm khác)										
II		Nguồn xây dựng cơ bản tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác										
*		Lĩnh vực giáo dục đào tạo										
25	GD	Nhà lớp học và nhà hiệu bộ trường TH Kim Đồng		17 phòng	2021-2022	Trường TH Kim Đồng hiện tại có 16 lớp, hiện trường đang thiếu phòng học và các phòng chức năng nên cần đầu tư bổ sung thêm	14.500	14.500	14.500	14.500		tăng TM so với 105
26	GD	Nhà đa năng trường THCS Tân Phong	P. Tân Phong	1 nhà đa năng	2022-2023	Để đảm bảo cơ sở vật chất theo quy định và nâng cao trường chuẩn Quốc gia cần đầu tư bổ sung nhà đa năng	7.000	7.000	7.000	7.000		

STT	Ngành, lĩnh vực	Danh mục công trình dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế (tính trên cơ sở thực lực, quy mô dân số)	Thời gian KC-IT	Sự cần thiết/mục tiêu đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn giải ngân 2021-2025	Dự kiến kế hoạch giải ngân 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	nguồn vốn	nhân dân	
27	GD	Nhà lớp học diện Gia Khau 1 trường THCS THCS Sùng Phái (X. Năm Lường cũ)	X. Sùng Phái	6 phòng; DD cấp III	2022-2023	Điền trường Gia Khau 1 trường TH và THCS được đầu tư từ năm 2002, và cải tạo sửa chữa năm 2010 quy mô nhà cấp IV đến nay đã xuống cấp đặc biệt trầm trọng, cùng như khuôn viên diện trường đồng bộ cần đầu tư lại diện trường.	6.000	6.000	6.000	6.000		
28	GD	Nhà lớp học diện Gia Khau 1 trường MN Sùng Phái (X. Năm Lường cũ)	X. Sùng Phái	6 phòng; DD cấp III	2022-2023	Đảm bảo nhu cầu dạy và học của GV và HS trường MN Sùng Phái	6.000	6.000	6.000	6.000		
29	GD	Nhà lớp học bộ môn THCS Quyết Tiến	P. Quyết Tiến	6 phòng; DD cấp III	2021-2023	Đảm bảo cơ sở vật chất theo quy định và đáp ứng tiêu chí trường chuẩn Quốc gia căn đầu tư bổ sung nhà lớp học bộ môn	6.500	6.500	6.500	6.500		
30	GD	Nhà lớp học trường THCS Đồng Phong	P. Đồng Phong	CT DD cấp III; 10 phòng	2021-2023	Hiện trường đã đầu tư và đi vào hoạt động từ năm học 2020; xong chưa đảm bảo nhu cầu học của học sinh trên địa bàn	10.000	10.000	10.000	10.000		
31	GD	Nhà đa năng trường THCS Quyết Tiến	P. Quyết Tiến	CT DD cấp III	2023-2024	Đảm bảo cơ sở vật chất theo quy định và đáp ứng tiêu chí trường chuẩn Quốc gia căn đầu tư bổ sung nhà lớp học bộ môn	7.000	7.000	7.000	7.000		
32	GD	Trường mầm non Sao Sáng	P. Tân Phong	CT DD cấp III	2023-2025	Nhằm đảm bảo tiêu chí xây dựng trường chuẩn Quốc gia	25.000	25.000	25.000	25.000		
33	GD	Nhà lớp học bộ môn THCS Đồng Phong	P. Đồng Phong	6 phòng	2023-2024	Đảm bảo cơ sở vật chất theo quy định và đáp ứng tiêu chí trường chuẩn Quốc gia căn đầu tư bổ sung nhà lớp học bộ môn	6.500	6.500	6.500	6.500		
34	GD	Nhà đa năng trường THCS Đồng Phong	P. Đồng Phong	CT DD cấp III	2024-2025	Đảm bảo cơ sở vật chất theo quy định và đáp ứng tiêu chí trường chuẩn Quốc gia căn đầu tư bổ sung nhà lớp học bộ môn	7.000	7.000	7.000	7.000		
35	GD	Nhà đa năng trường THCS Quyết Tiến	P. Quyết Tiến	CT DD cấp III	2024-2025	Đảm bảo cơ sở vật chất theo quy định và đáp ứng tiêu chí trường chuẩn Quốc gia căn đầu tư bổ sung nhà lớp học bộ môn	7.000	7.000	7.000	7.000		
36	GD	Nhà lớp học bộ môn THCS Năm Lường	X. Năm Lường	6 phòng	2024-2025	Đảm bảo cơ sở vật chất theo quy định và đáp ứng tiêu chí trường chuẩn Quốc gia căn đầu tư bổ sung nhà lớp học bộ môn	6.500	6.500	6.500	6.500		
III		Nguồn vốn tỉnh bổ sung và các nguồn vốn hợp pháp khác					40.000	40.000	40.000	40.000		
*		Lĩnh vực cấp thoát nước					40.000	40.000	40.000	40.000		
37	TN	Kênh thoát nước từ Trại đoàn Cò đông đến Cốc Pa	TP Lai Châu	CT HTKT cấp IV, L=2km KT (BxH)=(3x4)m	2021-2023	Để đảm bảo việc tiêu thoát nước trên địa bàn thành phố, đặc biệt là vào mùa mưa lũ.	40.000	40.000	40.000	40.000		
IV		Nguồn vốn bảo vệ môi trường; vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác					230.000	230.000	230.000	230.000		
*		Lĩnh vực môi trường					230.000	230.000	230.000	230.000		

STT	Ngành, lĩnh vực	Danh mục công trình dự án	Địa điểm xây dựng	Nội dung thiết kế (dự kiến nội dung, quy mô đầu tư)	Thời gian KC-HT	Sự cần thiết/mục tiêu đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
									Tổng số	Trong đó: nguồn vốn	nhân dân	
38	MT	Nhà máy xử lý rác thải của Thành phố	TP Lai Châu		2022-2025	Đảm bảo môi trường đô thị thành phố Lai Châu	200.000	200.000	200.000	200.000		Vốn NN 30 tỷ; còn lại là vốn khác

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025, NGUỒN VỐN CT MT QUỐC GIA

(Kèm Nghị quyết số: 44 NQ-HĐND ngày 06 tháng 8 năm 2020, HĐND thành phố Lai Châu)

TT	Ngành, LV	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (Dự kiến Quy mô đầu tư)	Sự cần thiết đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến KH vốn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
									Nguồn NSTW	Nhân dân đóng ứng	
		TỔNG CỘNG					45.450	45.450	40.905	4.545	
A		XÃ SÙNG PHẢI					28.950	28.950	26.055	2.895	
I		<i>Nguồn CTMT giám nghèo bền vững</i>					12.000	12.000	10.800	1.200	
1	VH	Nhà văn hóa bán Trung Chải, xã Sùng Phải	xã Sùng Phải	2021	CTDD cấp IV, 01 tầng, Sxd= 90 m2	Phục vụ sinh hoạt, học tập cộng đồng dân bán, giao lưu văn hóa văn nghệ.	700	700	630	70	
2	GT	Đường Giao thông nội bán Suối Thầu	xã Sùng Phải	2021-2022	Mở nền 3m, BTXM 200# đá 2x4 dầy 15cm trên lớp lợp 5cm đá mat, L= 2000m	Công trình phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông lâm nghiệp được thuận lợi	3.000	3.000	2.700	300	
3	GT	Đường Giao thông nội bán Trung Chải	xã Sùng Phải	2021-2022	Mở nền 3m, BTXM 200# đá 2x4 dầy 15cm trên lớp lợp 5cm đá mat, L= 1200m	Công trình phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông lâm nghiệp được thuận lợi	2.000	2.000	1.800	200	
4	TL	Kênh thủy lợi bán Suối Thầu 1,2, xã Sùng Phải	xã Sùng Phải	2022-2023	Tuyến kênh bê tông, dài L = 1,5 Km; các công trình trên tuyến	hoàn thiện hệ thống tưới tiêu, phát triển sản xuất	3.000	3.000	2.700	300	
5	TL	Kênh thủy lợi bán Trung Chải, xã Sùng Phải	xã Sùng Phải	2022-2023	Tuyến kênh bê tông, dài L = 0,8 Km; các công trình trên tuyến	hoàn thiện hệ thống tưới tiêu, phát triển sản xuất	2.000	2.000	1.800	200	
6	TL	Kênh thủy lợi Páo Háng, bán Trung Chải xã Sùng Phải	xã Sùng Phải	2022-2023	Tuyến kênh bê tông, dài L = 0,8 Km; các công trình trên tuyến	hoàn thiện hệ thống tưới tiêu, phát triển sản xuất	2.000	2.000	1.800	200	
II		<i>Nguồn CTMT xây dựng nông thôn mới</i>					16.950	16.950	15.255	1.695	
7	VH	Nhà văn hóa bán Sin Chải, xã Sùng Phải	xã Sùng Phải	2021	Nhà cấp IV, 01 tầng, diện tích xây dựng = 90 m2	Phục vụ học tập, sinh hoạt cộng đồng, giao lưu văn hóa văn nghệ	700	700	630	70	
8	GT	Đường nội đồng bán Sin Páo Chải xã Sùng Phải	xã Sùng Phải	2021	Đường GTNT C, chiều dài L=1km, Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường B1 X M	Công trình được đầu tư phục vụ nhu cầu đi lại vận chuyển các sản phẩm nông nghiệp được thuận lợi	1.500	1.500	1.350	150	
9	GT	Đường vào ruộng bán Sin Páo Chải xã Sùng Phải	xã Sùng Phải	2021	Đường GTNT C, chiều dài L=1km, Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	Công trình được đầu tư phục vụ nhu cầu đi lại vận chuyển các sản phẩm nông nghiệp được thuận lợi	1.500	1.500	1.350	150	
10	VH	Nhà văn hóa bán Hồi Lũng	xã Sùng Phải	2.022	Nhà cấp IV, 01 tầng, diện tích xây dựng = 90 m2	Phục vụ học tập, sinh hoạt cộng đồng, giao lưu văn hóa văn nghệ	700	700	630	70	
11	GT	Đường nối đồng vùng chè bán Sin Páo Chải, xã Sùng Phải	xã Sùng Phải	2022	Đường GTNT C, chiều dài L= 0,7km, Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường B1 X M	Công trình phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông lâm nghiệp được thuận lợi	1.000	1.000	900	100	

TT	Ngành, LV	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (Dự kiến Quy mô đầu tư)	Sự cần thiết đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến KH vốn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
									Nguồn NSTW	Nhân dân đối ứng	
12	GT	Đường nối đồng Xã Là bản Cư Nhà Là, xã Sùng Phái	xã Sùng Phái	2022	Đường GTNT C, chiều dài L= 1,1km, Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	Công trình đầu tư phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông, lâm nghiệp	1.650	1.650	1.485	165	
13	GT	Đường nối bản Lang Giang, xã Sùng Phái	xã Sùng Phái	2023	Đường GTNT C, chiều dài L= 0,15km, Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	Công trình đầu tư phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông, lâm nghiệp	250	250	225	25	
14	GT	Đường nối đồng bản Cư Nhà Là, xã Sùng Phái	xã Sùng Phái	2023	Đường GTNT C, chiều dài L= 1km, Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	Công trình đầu tư phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông, lâm nghiệp	1.500	1.500	1.350	150	
15	GT	Đường nối đồng bản Căn Cầu, xã Sùng Phái	xã Sùng Phái	2023	Đường GTNT C, chiều dài L= 0,35km, Bn= 3,5m; Bm= 2,5m; mặt đường BTXM	Công trình được đầu tư phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông nghiệp	550	550	495	55	
16	TL	Kênh thủy lợi bản Cư nhà Là	xã Sùng Phái	2023	Tuyên kênh bê tông, dài L=6km (gồm 4 tuyến)	Hoàn thiện hệ thống tưới tiêu, phát triển sản xuất	12.000	12.000	10.800	1.200	
B		XÃ SAN THÀNG					16.500	16.500	14.850	1.650	
1		<i>Nguồn CTMT xây dựng nông thôn mới</i>					<i>16.500</i>	<i>16.500</i>	<i>14.850</i>	<i>1.650</i>	
1	GT	Đường nối đồng vùng chè bản Thành Công, xã San Thàng	xã San thàng	2021-2022	Đường GTNT C, chiều dài L=3,5km, Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	Công trình phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông lâm nghiệp được thuận lợi	5.000	5.000	4.500	500	
2	GT	Đường nối đồng vùng chè bản Lò Suối Túng, xã San Thàng	xã San thàng	2022	Đường GTNT C, chiều dài L=3km, Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	Công trình phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông lâm nghiệp được thuận lợi	4.500	4.500	4.050	450	
3	TL	Nối tiếp kênh Pá Chiem Lũng Than, xã San Thàng	xã San thàng	2022	Đường GTNT C, chiều dài L= 0,7km, Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	Hoàn thiện hệ thống tưới tiêu, phát triển sản xuất	1.000	1.000	900	100	
4	RTN	Hệ thống rãnh thoát nước thải tại bản Lò suối Túng.	xã San thàng	2022	1,5km CT HTKT cấp IV	Nhiệm đảm bảo VSMT trong bản	1.500	1.500	1.350	150	
5	RTN	Hệ thống rãnh thoát nước thải tại bản thành công.	xã San thàng	2022	1 km CT HTKT cấp IV	Nhiệm đảm bảo VSMT trong bản	1.000	1.000	900	100	
6	RTN	Hệ thống rãnh thoát nước thải tại bản Càng Dăng	xã San thàng	2023	1,5 km C I HIK I cấp IV	Nhiệm đảm bảo VSMT trong bản	1.500	1.500	1.350	150	
7	RTN	Hệ thống rãnh thoát nước thải tại bản Lũng Than.	xã San thàng	2023	1 km CT HTKT cấp IV	Nhiệm đảm bảo VSMT trong bản	1.000	1.000	900	100	
8	RTN	Hệ thống rãnh thoát nước thải tại bản Xẻo Xin Chải.	xã San thàng	2023	1 km CT HTKT cấp IV	Nhiệm đảm bảo VSMT trong bản	1.000	1.000	900	100	

TT	Ngành, LV	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (Dự kiến Quy mô đầu tư)	Sự cần thiết đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến KH vốn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
									Nguồn NSTW	Nhân dân đối ứng		
9	GT	Đường nối đồng vùng chè bán Phan Lìn, xã San Thàng	xã San Thàng	2023	Đường GTNT C; chiều dài L=3,5km, Bn=3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	Công trình phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông lâm nghiệp được thuận lợi	5.000	5.000	4.500	500		
10	GT	Đường nối đồng vùng chè bán Chín Chu Chải, xã San Thàng	xã San Thàng	2024	Đường GTNT C; chiều dài L=2,4km, Bn=3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	Công trình phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển các sản phẩm nông lâm nghiệp được thuận lợi	3.500	3.500	3.150	350		

DANH MỤC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỐI GIAI ĐOẠN 2021-2025 (NGUỒN VỐN TỈNH QUẢN LÝ)
(Kèm Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 06 tháng 8 năm 2020, HĐND thành phố Lai Châu)

ĐVT

TT	ngân h, lĩnh vực	Tên dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế (Dự kiến nội dung, quy mô đầu tư)	Sự cần thiết/mục tiêu đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến KHV đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chi chủ
									Tổng số	Trđ: NSTW	NSDP (tính quản lý)	Tổng số	Trđ: NSTW	NSDP (tính quản lý)	
1	GT	TỔNG CỘNG						608.000	608.000	348.000	260.000	608.000	348.000	260.000	
		Nguồn ngân sách Trung ương						348.000	348.000	0	348.000	348.000	0		
		Dự án: Nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Sùng Phái (Tuyến đường từ đường QL4D đến bản Tả Chải-Trung Chải; tuyến đường từ Cấn Cẩu - Sùng Phái đi Trung Trại)	B	X. Sùng Phái	2021- 2023	HM 1: Tuyến đường từ đường QL4D đến bản Tả chải - Trung Chải, xã Sùng Phái Công trình giao thông cấp IV, L=3,3km; Bền=7,5m; kết cấu móng 2 lớp cấp phối đá dăm; Kết cấu mặt bê tông nhựa Asphalt hạt trung dày 7cm; Hệ thống thoát nước dọc kết cấu rãnh bê tông hờ, Công qua đường kết cấu bê tông cốt thép HM 2: Nâng cấp tuyến đường Từ Cấn Cẩu - Sùng Phái - đường đi vào bản Trung Chải - công trình giao thông cấp IV, L = 5,1km; B nền 5,5m; B mặt 3,5, Lề ga có bê tông xi măng 250# dày 10cm; Rãnh thoát nước dọc 2 bên kiến cổ, Công thoát nước qua đường kiến cổ, Kè BT và kè đá hộc trồng sát lộ 2 bên; Hộ lan an toàn giao thông; Biển báo hiệu đường bộ; Hạ tầng điện sinh hoạt, điện chiếu sáng	Xã Sùng Phái mới sáp nhập theo Nghị quyết số 866/NQ- UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của UBND Quốc Hội; Phần mới sáp nhập hiện trạng chưa được đầu tư, hầu như toàn bộ hệ thống hạ tầng chưa được đầu tư, các tuyến đường trục chính đã xuống cấp, ko đảm bảo an toàn cho nhân dân, nhằm nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, góp phần xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội thì việc nâng cấp cải tạo các tuyến đường trên là vô cùng cần thiết	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	Nhiều GPMB	
2	GD	Dự án Cụm trường, THCS - Tiểu học - MN xã Sùng Phái	B	X. Sùng Phái	2021- 2023	THCS: Nhà lớp học 10 phòng; Nhà lớp học bộ môn 6 phòng; Nhà hiệu bộ, Nhà đa năng, Nhà Bán trú, Nhà bếp ăn, Sân công, tường rào các hạng mục phụ trợ; Tiểu học: Nhà lớp học bộ môn 10 phòng; Nhà nội trú Khu ở, bếp nhà ăn, - Mầm non: Nhà lớp học 5 phòng; Nhà lưu trữ Bếp ăn. Các hạng mục phụ trợ	THCS được xây dựng từ năm 2005, đến nay toàn bộ hiện trạng các hạng mục đã xuống cấp trầm trọng, không đảm bảo an toàn cho nhu cầu dạy và học, sinh hoạt bán trú của giáo viên và học sinh; một số hạng mục chưa được đầu tư như: Nhà đa năng, Nhà bộ môn, Nhà ở bán trú, Nhà ăn; Các hạng mục phụ trợ sân công, tường rào, do đó để đảm bảo an toàn, chất lượng dạy và học của giáo viên và học sinh, tiến tới xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia thì việc mở rộng diện tích và đầu tư mới toàn bộ trường là rất cần thiết	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	Nhiều kè trồng sát lộ và trồng sỏi; mở nền cắt của của	

DVT:

TT	ngành, lĩnh vực	Tên dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế (Dự kiến nội dung, quy mô đầu tư)	Sự cần thiết/mục tiêu đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến KHV đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú			
									Tổng số	Trđ: NSTW	NSDP (tính quản lý)	Tổng số	Trđ: NSTW	NSDP (tính quản lý)				
3	TL	Dự án: Hệ thống thoát nước (giai đoạn 2)	B	TP. Lai Châu	2021-2025	Công trình HTKT cấp IV, gồm 02 tuyến - Tuyến kênh kéo dài tuyến kênh Năm Con Cún Đông Pao - Công trình HTKT cấp IV L=1,2km: KT (BXH)=(4+8)x3m - Tuyến kênh thoát nước từ bản Phan Chu Hoa lên bản Càng Đẳng và San Thẳng chiều dài 3,8km KT (BXH)=(3x4)m	Hệ thống thoát nước thành phố đã được đầu tư giai đoạn 1, xong để đồng bộ, hoàn thiện hệ thống thoát nước nhằm đảm bảo thoát nước khu vực thành phố, đủ lượng nước phục vụ việc sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản cho nhân dân đồng thời kết nối lắp trung việc xử lý nước thải tại đầu mối là nhà máy xử lý nước thải tại khu vực Đông Pao, tận dụng nguồn nước sạch sau xử lý để tưới tiêu khu vực sản xuất nông nghiệp, phát triển nuôi trồng thủy sản sạch, nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, do đó việc đầu tư các tuyến kênh trên là hết sức cần thiết	145.000			145.000			145.000				
II		Nguồn ngân sách địa phương (cấp Tỉnh quản lý)						260.000	0	260.000	260.000	0	260.000			260.000		
I	GT	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước từ QL4D (Bến xe cũ) đi Thien Sin	B	X. Sùng Phái	2021-2023	CT GT cấp III, chiều dài toàn tuyến 5,9km nâng cấp mặt đường nhựa bit Asphalt, B nền=7,5m, B mặt= 5m, B lề= 2x1,25m, lề gá có bê tông và rãnh thoát nước dọc độ BTCT	Hiện tuyến đường từ QL4D (Bến xe cũ) đi Thien Sin hiện trạng đã xuống cấp, hẹp và hơn nữa hệ thống thoát nước mặt đường, thoát nước thải chưa được đầu tư. Do đó, phân bổ ảnh hưởng tới an toàn giao thông cho người, phương tiện khi tham gia giao thông nhất là về đêm và mặt về sinh môi trường. Việc đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước từ QL4D (Bến xe cũ) đi Thien Sin là rất cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông và tạo vẻ đẹp mỹ quan đô thị, đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông cho nhân dân, về sinh môi trường và góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội chung của thành phố. Đây mạnh phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lai Châu	80.000			80.000			80.000			80.000	
2	GT	Tuyến đường nối từ Trụ sở phường Đoàn Kết mới đến giao xã Sùng Phái	B	P. Đoàn Kết, Quyết Tiến, Quyết Thắng	2022-2023	-Tuyến 1 từ Trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến phường Quyết Thắng, CT GT cấp III, chiều dài tuyến khoảng 1,8 km, B nền =3,2m (giai đoạn 1); Tuyến 02 nối từ phường Quyết Thắng giao xã Sùng Phái, CTGT cấp III, chiều dài tuyến khoảng 2,9 Km, B nền= 20m (giai đoạn 2)	Thành phố Lai Châu được thành lập trên cơ sở thị xã Lai Châu (thành lập ngày 10/10/2004 theo Nghị định số 176/2004/NĐ-CP). Sau hơn 15 năm chia tách, thành lập và phát triển, đến nay thành phố Lai Châu đã có những sự đầu tư đáng kể, đặc biệt là cơ sở hạ tầng các khu dân cư và hệ thống mạng lưới giao thông nội thị. Xong các phương tiện giao thông vận tải có tải trọng lớn... lưu thông trên các tuyến đường nội thị gây mất mỹ quan, ảnh hưởng đến an toàn giao thông, phá hỏng kết cấu hạ tầng giao thông. Đây là công trình phục vụ trực tiếp nhu cầu của nhân dân trên địa bàn các xã, phường lưu thông đi lại, như cầu đất ở và hạ tầng kỹ thuật của nhân dân lớn. Vì vậy việc đầu tư dự án là cần thiết	180.000			180.000			180.000			180.000	

BIỂU TỔNG HỢP NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm Nghị quyết số: 122 /NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2020, HĐND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn GD 2021-2025	Dự kiến KH trung hạn 21-25			Ghi chú
					Tổng	Trđ: NSNN	Nhân dân góp vốn	
					6	7	8	
1	2	3	4	5				9
A	Sắp xếp theo nguồn vốn	77	1.491.399	1.344.516	1.344.516	1.337.211	7.305	
I	Nguồn vốn tính quản lý	9	814.349	669.989	669.989	669.989		
1	Nguồn ngân sách trung ương	3	348.000	348.000	348.000	348.000		
2	Nguồn vốn NS tỉnh	6	466.349	321.989	321.989	321.989		
II	Nguồn vốn thành phố quản lý	68	677.050	674.527	674.527	667.222	7.305	
1	Nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác	27	252.600	250.077	250.077	247.317	2.760	
2	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác	12	109.000	109.000	109.000	109.000		
3	Vốn CTMTQG	26	45.450	45.450	45.450	40.905	4.545	
4	Nguồn vốn tỉnh bổ sung	1	40.000	40.000	40.000	40.000		
5	Nguồn vốn bảo vệ môi trường; vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác	2	230.000	230.000	230.000	230.000		
B	Phân bổ theo công trình	77	1.491.399	1.344.516	1.344.516	1.337.211	7.305	
1	Công trình chuyển tiếp giai đoạn 2021-2025	7	256.849	89.806	89.806	89.806		
2	Công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025	70	1.234.550	1.234.550	1.234.550	1.227.245	7.305	
3	Dự phòng 10% (dành cho các công trình khẩn cấp; các công trình còn thiếu vốn sau quyết toán và một số nhiệm vụ trong tâm khác)			20.160	20.160	20.160		